

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Duy Trâm;
- Bà Lê Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa:
Ông K' Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 09-4-2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26-6-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Ích T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **Thôn G, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**.

Bà **H** có mặt, ông **T** vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa bà **H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **T** tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện D**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông **T** hay chơi bời, không lo cho gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ích T1, sinh ngày 08-10-2012. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn ông T vắng mặt không có ý kiến tuy nhiên tại bản tự khai và đơn đề nghị hoà giải xét xử vắng mặt ông T trình bày: Ông chỉ mong hai vợ chồng được hoà giải để cùng nhau chăm sóc cho con, mong Toà án xem xét gia hạn tới ngày ông chấp hành xong hình phạt để hai vợ chồng có thời gian suy nghĩ và tái hợp lại vì các con, công khai làm rõ phần tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ích T2 vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T2 tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T2 hay chơi bời, không lo cho gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, bà H xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T2 lại vắng mặt không có ý kiến tuy nhiên trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ông chỉ mong hai vợ chồng được hoà giải để cùng nhau chăm sóc cho con, bà H thì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý với ý kiến của ông T2. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú thì cuộc sống chung của vợ chồng bà H và ông T2 có xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bà H được ly hôn ông T2 là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H xác định, bà và ông T2 có 01 con chung tên Nguyễn Ích T1, sinh ngày 08-10-2012, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Trong bản tự khai và đơn xét xử vắng mặt ông T2 chỉ mong vợ chồng hoà

giải để sống vì con cái. Xét quyền lợi của con, để đảm bảo và ổn định cuộc sống, khả năng nuôi dưỡng của mỗi bên cũng như nguyện vọng của con. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản: Bà H xác định tài sản chung, tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có, ông T2 lại vắng mặt không có ý kiến, tuy nhiên tại bản tự khai và đơn đề nghị hoà giải xét xử vắng mặt ông T2 trình bày, mong Toà án xem xét gia hạn tới ngày ông chấp hành xong hình phạt để hai vợ chồng có thời gian suy nghĩ và tái hợp lại vì các con và công khai làm rõ phần tài sản. Bà H không đồng ý và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết về tài sản. Nếu có tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Đối với ý kiến của ông T2 về việc đề nghị Toà án xem xét gia hạn tới ngày ông chấp hành xong hình phạt để hai vợ chồng có thời gian suy nghĩ và tái hợp lại vì các con, bà H thì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý với ý kiến của ông T2. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của ông T2 không có căn cứ nên không xem xét.

[6] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Ích T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ích T1, sinh ngày 08-10-2012 cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà **Trần Thị Bích H** phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005725 ngày 09-14-2024 của **Chi cục thi án dân sự huyện D** (Đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- UBND xã Hoà Nam ;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K' My Na